TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ D** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28-7-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ D, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Tú Nhi;

Bà Hoàng Lệ Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 130/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1986. Thường trú: khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1982. Thường trú: khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 02 năm 2023, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích N trình bày:

Bà Nguyễn Thị Bích N và ông Nguyễn Minh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2006, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương vào ngày 21/8/2006 (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 107, quyển số 1 ngày 21/8/2006). Thời gian đầu hạnh phúc, đến

cuối năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra tranh cãi, ông T thường xuyên đi uống rượu bia với bạn bè, khi đi uống rượu bia về nhà thì chửi bới, xúc phạm vợ con. Khi mâu thuẫn xảy ra hai vợ chồng đã tìm cách giải quyết mâu thuẫn, bà N đã cố gắng hàn gắn quan hệ hôn nhân nhưng không có kết quả; hai bên gia đình không có ý kiến, để hai vợ chồng tự quyết định. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2022 đến nay. Hiện nay, bà N và cháu T1, cháu N đang sống tại xã Phú Hữu, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai cùng ông, bà ngoại. Còn ông Nguyễn Minh T đang sống tại số 117/6C, khu phố Đông Tác, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Bà N đang bán vé số dạo thu nhập khoảng 8.000.000 đồng/tháng, ngoài ra ông, bà ngoại còn phụ bà N chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu. Hiện nay 02 cháu vẫn phát triển bình thường và đi học văn hóa bình thường tại huyện N, tỉnh Đồng Nai. Hai vợ chồng có 02 con chung gồm cháu Nguyễn Minh T1, sinh ngày 19/5/2008 và cháu Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 01/9/2014. Nay, bà N không còn tình cảm gì đối với ông T, hai vợ chồng không còn quan hệ vợ chồng, đã sống ly thân, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Vì vậy, bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Về hôn nhân: yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Minh T.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Bích N yêu cầu được nuôi 02 con chung cháu Nguyễn Minh T1, sinh ngày 19/5/2008 và cháu Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 01/9/2014, không yêu cầu ông Nguyễn Minh T phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã triệu tập bị đơn ông Nguyễn Minh T nhưng bị đơn vắng mặt không rõ lý do, không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng, đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định; không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa nhận thấy mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Bích N và ông Nguyễn Minh T là trầm trọng, không hàn gắn đoàn tụ được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích N. Về con chung: đề nghị giao 02 con chung cháu Nguyễn Minh T1, sinh ngày 19/5/2008 và cháu Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 01/9/2014, cho bà Nguyễn Thị Bích N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích N khởi kiện tranh chấp ly hôn, nuôi con đối với bị đơn ông Nguyễn Minh T đang sinh sống và đăng ký thường trú tại: khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương nên căn cứ theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương; quan hệ pháp luật là "ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

[2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích N có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn Nguyễn Thị Bích N và bị đơn ông Nguyễn Minh T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích N với bị đơn ông Nguyễn Minh T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương vào ngày 21/8/2006 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 107, quyển số 1 ngày 21/8/2006 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: theo lời trình bày của bà N sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra tranh cãi, ông T thường xuyên đi uống rượu bia với bạn bè, khi đi uống rượu bia về nhà thì chửi bới, xúc phạm vợ con. Khi mâu thuẫn xảy ra hai vợ chồng đã tìm cách giải quyết mâu thuẫn, bà N đã cố gắng hàn gắn quan hệ hôn nhân nhưng không có kết quả; hai bên gia đình không có ý kiến, để hai vợ chồng tự quyết định. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2022 đến nay. Nay, bà N không còn tình cảm gì đối với ông T, hai vợ chồng không còn quan hệ vợ chồng, đã sống ly thân, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập bị đơn ông Nguyễn Minh T tham gia tố tụng nhưng ông T vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Việc ông T vắng mặt không có lý do là tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng, nghĩa vụ chứng minh của mình. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông T là thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, bà N yêu cầu được ly hôn với ông T là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung gồm cháu Nguyễn Minh T1, sinh ngày 19/5/2008 và cháu Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 01/9/2014. Bà N yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông T

phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện nay cháu T1 và cháu N đang sống chung với bà N, bà N có việc làm và thu nhập để đảm bảo đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu T1 và cháu N phát triển bình thường. Ngoài ra, cháu T1 và cháu N có nguyện vọng sống chung với bà N. Do vậy, Hội đồng xét xử giao cháu T1 và cháu N cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và các Điều 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích N đối với ông Nguyễn Minh T về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích N được ly hôn với ông Nguyễn Minh T (Giấy chứng nhận kết hôn số 107, quyển số 1 ngày 21/8/2006 do Ủy ban nhân dân phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương cấp ngày 21/8/2006).

- Về con chung: Giao 02 con chung cháu Nguyễn Minh T1, sinh ngày 19/5/2008 và cháu Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 01/9/2014 cho bà Nguyễn Thị Bích N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể

quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bích N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ 300.000 đồng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006265 ngày 12 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố D (01);
- Chi cục THADS thành phố D (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Tuyên